

**TỔNG CÔNG TY
THÉP VIỆT NAM-CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5 8 3** /TTr-VNS.

Hà Nội, ngày **07** tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thép -CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 03/12/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;;

Căn cứ Dự thảo Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP; Quy chế nội bộ về quản trị ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty ngày 29/6/2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty) như sau:

Quy chế nội bộ về quản trị được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở các nội dung yêu cầu tại Quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, cụ thể:

- Bổ sung thêm các nội dung tại Chương II quy định về hình thức họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm: họp trực tuyến, kết hợp họp tập trung và trực tuyến; Quy định chi tiết về Ban kiểm toán nội bộ theo Điều lệ sửa đổi;

- Điều chỉnh số Chương, Điều cho phù hợp với nội dung yêu cầu: Giảm 1 Chương quy định về các tiểu ban do gộp vào Chương Hội đồng quản trị; tăng 29 Điều so với Quy chế nội bộ năm 2020 do bổ sung quy định chi tiết về nội dung họp trực tuyến, về Công bố thông tin.

(chi tiết các Điều, Khoản sửa đổi, bổ sung chính của Quy chế nội bộ Tổng công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm tờ trình này)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua./.

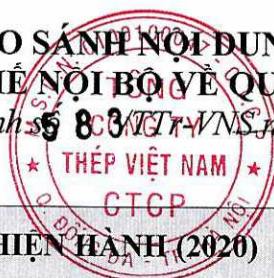
Nơi nhận:

- Các cổ đông VnSteel;
- HĐQT Tcty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, KTPC.



**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH TRONG DỰ THẢO
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 83/TTr-VNS ngày 7 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam)



STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 3. Giải thích từ ngữ e. “Công ty đại chúng”: là công ty cổ phần được quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán; f. “Cổ đông lớn”: là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán; g. “Người quản lý doanh nghiệp”: được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp; h. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4; Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán; l. “Người phụ trách quản trị Tổng công ty”: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	Điều 3. Giải thích từ ngữ e. “Công ty đại chúng”: là công ty cổ phần được quy định tại Khoản 1, Điều 32 và Khoản 4, Điều 135 Luật chứng khoán (Luật số 54/2019/QH14 của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam); f. “Cổ đông lớn”: là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4 Luật chứng khoán; g. “Người quản lý doanh nghiệp/công ty”: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. h. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam) và Khoản 46, Điều 4 Luật chứng khoán. l. “Người phụ trách quản trị Tổng công ty”: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán). m. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố	Hiệu chỉnh thuật ngữ theo quy định pháp luật hiện hành

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	
2	Không quy định	Mục 1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điều 5. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần để quyết định những vấn đề quan trọng của Tổng công ty và họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.	Bổ sung theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
3		Mục 2	Bổ sung theo quy định tại

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Điều 7. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.	Thông tư 116/2020/TT-BTC
4	Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 141, Luật DN 2020
5	Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ Tổng công ty. 2. ... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)...	Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông ... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)...	Xoá bỏ nội dung về thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ Khoản 1, Điều 143 Luật DN 2020
6	Không quy định	Điều 10. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c, Khoản 4, Điều 15 Điều lệ Tổng công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 13 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2, Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Điều lệ Tổng công ty; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	BTC, Luật Dn 2020 và theo Điều lệ Tcty

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2, Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
7	Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự và ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 2. Cổ đông chọn hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo/thư mời, bao gồm: a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện); ... Tổng công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất theo quy định tại Điều 140 Luật doanh	Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự và ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Cổ đông chọn hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo/thư mời, bao gồm: a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp hoặc bằng hình thức trực tuyến; b. Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện) hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp trực tuyến; ... Tổng công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp, Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổng công ty.	Bổ sung hình thức họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định và hiệu chỉnh trích dẫn theo Luật DN 2020, Điều lệ sửa đổi

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	nghiệp và Điều lệ công ty. 3. Nếu cổ đông không thể trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: b. Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự, hoặc ủy quyền cho Người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty. c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; - Trường hợp cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	3. Nếu cổ đông không thể trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. c. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).	

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
8	Bổ sung	Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Bổ sung theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, Luật Dn 2020 và theo Điều lệ Tcty
9	Điều 8 đến Điều 12	Điều 13 đến Điều 17	Điều chỉnh số thứ tự Điều tương ứng
10	Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông Bổ sung	Điều 18. Cách thức phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ	Bổ sung, sửa đổi theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều 151, 152 Luật DN 2020 và theo Điều lệ Tcty

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 13 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7, Điều 22 Điều lệ Tổng công ty; b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty. 2. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực; Trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
11	Điều 14. Ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: ... d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;	Điều 19. Ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: ... d. Họ, tên chữ ký của chủ tọa và thư ký;	

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	... 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp; ... 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Bổ sung theo Điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020 Bổ sung theo Khoản 3 Điều 150 Luật DN 2020
12	Điều 15. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: a. Báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc. 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được	Điều 20. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3 và 5 Điều này: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3 và 5 Điều này.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 147 và 148 Luật DN 2020

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. d. Giao dịch đầu tư hoặc mua, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán; Bổ sung 6. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành. 7. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về Công bố thông tin.	
13	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 1. Các trường hợp được thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty ngoại trừ các vấn đề sau:	Mục 3 Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Điều 21. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản 1. Các trường hợp được thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty ngoại trừ các vấn đề sau:	Bổ sung tên Mục theo kết cấu của Quy chế mẫu Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 147 Luật

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	... b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty; ... đ. Quyết định đầu tư hoặc mua, bán số tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. 2.h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	... b. Định hướng phát triển Tổng công ty ... đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Điều 22. Quy trình, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	DN 2020. Sửa đổi phù hợp với Điều 148 khoản 4, LDN 2020
14	Không quy định	Điều 23 đến Điều 37 Dự thảo quy định các trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHCĐ theo hình thức Hội nghị trực tuyến và Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến	Bổ sung, sửa đổi theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, chi tiết tại Dự thảo kèm theo
15	Điều 18. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị Thẩm quyền, trách nhiệm và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của Tổng công ty, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ Tổng công ty; trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi, bổ sung theo Luật DN và Điều 277 Nghị định 155

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
16	1. Thẩm quyền Hội đồng quản trị trong việc giám sát chiến lược và kiểm soát hoạt động quản lý, tuyển chọn và giám sát Tổng giám đốc và người điều hành khác: a. Hội đồng quản trị giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong từng thời kỳ và kiểm soát hoạt động của Bộ máy quản lý. Cụ thể: Xây dựng các định hướng chiến lược, quyết định các chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh thường niên của Tổng công ty; b. Hội đồng quản trị ban hành các Quy chế của Tổng công ty nhằm đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty; c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác và quyết định tiền lương, thù lao của Tổng giám đốc và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác; d. Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác; e. Thành lập các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc thành lập các Tiểu ban trực thuộc có đủ năng lực để chuyên môn hóa hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổng công ty; f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm người Phụ trách quản trị	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty. 3. Quyền và nghĩa vụ Thành viên Hội đồng quản trị a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty. Trong đó, có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. b. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau: - Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty; - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; - Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; - Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh	Sửa đổi, bổ sung theo Luật DN và Điều 277 Nghị định 155

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Tổng công ty. . 2. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị đối với tài sản và vốn điều lệ: Thẩm quyền của Hội đồng quản trị đối với tài sản và vốn điều lệ được quy định tại Điều 28 Điều lệ và Quy chế tài chính của Tổng công ty. 3. Trách nhiệm đảm bảo quyền lợi của cổ đông: a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, được quy định cụ thể tại Quy chế này; b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng chính sách cổ tức để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; c. Hội đồng quản trị sẽ chủ trì trong việc ngăn ngừa và giải quyết các xung đột giữa cổ đông và Tổng công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng một hệ thống tuân thủ các quy trình thủ tục thông qua các cơ chế giám sát và hệ thống kiểm soát nội bộ các xung đột; xác định phân công nhiệm vụ cho Tiểu ban phù hợp để đảm bảo nội dung này. 4. Kiểm soát, công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch: a. Hội đồng quản trị sẽ phê duyệt trước các báo cáo tài chính đã được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo về công tác quản lý và tình hình của Tổng công ty và đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.	nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; - Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.	
17	Điều 19. Thành phần, cơ cấu Hội đồng quản trị	Điều 40. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	2. Các thành viên Hội đồng quản trị được phân chia như sau: - Theo tính độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thành viên hội đồng quản trị độc lập và thành viên không độc lập. Trong trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thì số lượng thành viên độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 Tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	2. Các thành viên Hội đồng quản trị được phân chia như sau: - Theo tính độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thành viên hội đồng quản trị độc lập và thành viên không độc lập. Trong trường hợp Tổng công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thì số lượng thành viên độc lập phải đáp ứng đủ theo quy định tại Khoản 4, Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.	Sửa đổi theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP
18	Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT 2. Ngoài các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện sau: a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty ít nhất ba (03) năm liền kề trước đó; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền kề trước đó	Điều 41. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 2. Ngoài các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện sau: a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty ít nhất ba (03) năm liền kề trước đó; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền kề trước đó; trừ trường hợp bổ nhiệm liên tục tại 02 nhiệm kỳ	Sửa đổi cho phù hợp với Điểm a, Khoản 2, Điều 155 Luật DN 2020 Sửa đổi theo điểm d, Khoản 2, Điều 155 Luật DN 2020

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
19	Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị 1. Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều 42. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị 1. Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Sửa đổi cho theo Khoản 5, Điều 115 Luật DN 2020
20	Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: 1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ	Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau: a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng	Kết cấu và phân chia các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định Thông tư 116/2020/TT-BTC và Luật DN 2020

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Tổng công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT. 2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty. 3. Thành viên đó bị chết hoặc bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. 4. Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. 5. Không tham gia các cuộc họp HĐQT trong vòng (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT. 6. Cổ đông pháp nhân mà thành viên HĐQT đó đại diện, mất tư cách pháp nhân. 7. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.	quản trị; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; - Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần; - Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; - Cổ đông pháp nhân mà thành viên Hội đồng quản trị đó đại diện mất tư cách pháp nhân; - Tổng công ty bị giải thể theo quy định của Tòa án. c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản điểm a và điểm b khoản này. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần	

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên giảm quá mức tối thiểu và sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3); b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản này; Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
21	Không quy định	Điều 47. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên	Bổ sung theo Điều 156 Luật DN 2020 và TT 116

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
22		Điều 48. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung theo Điều 29 Điều lệ sửa đổi
23	Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.	Điều 49. Cuộc họp Hội đồng quản trị Cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Tổng công ty.	Quy định theo Khoản 3, Điều 157 Luật DN 2020 và sửa theo Điều lệ sửa đổi
24	Điều 28. Cách thức biểu quyết 4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 5 Điều 49 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điều 50. Cách thức biểu quyết 4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ hợp đồng được quy định tại Điều 291 và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Sửa đổi nội dung liên quan đến việc ngăn ngừa xung đột về mặt lợi ích được quy định tại Điều 291 và 293 Nđ 155/2020/NĐ-CP
25	Không quy định	Điều 53. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Bổ sung nội dung theo TT 116

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
26	Điều 31. Biên bản họp HĐQT ... h. Các vấn đề đã được thông qua; i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp;	Điều 54. Biên bản họp Hội đồng quản trị ... h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1, Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều h, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 158 Luật DN 2020
27	Điều 39, 40, 41 và 42 Quy chế hiện hành	Hiệu chỉnh, chuyển các Điều khoản quy định về Ban kiểm toán nội bộ và Các tiêu ban trực thuộc HĐQT lên Điều 56, 57 và 58 và 59 Quy chế (Trong chương HĐQT). Trong đó, quy định chi tiết việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ (Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, nguyên tắc) và việc có thể thành lập các Tiểu ban như trọng Dự thảo.	Bổ sung hiệu, chỉnh theo quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, Nghị định 05/2019/NĐ-CP, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Luật DN 2020
28	Chưa quy định	Điều 56. Ban kiểm toán nội bộ 1. Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; nhân sự Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. 2. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ a. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;	Bổ sung theo yêu cầu của Nghị định 05/2019 về công tác kiểm toán nội bộ, Điều lệ sửa đổi

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		b. Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; c. Phải kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các bộ phận/đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng công ty; d. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ; e. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành. 3. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ, Người phụ trách Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành. 4. Điều kiện, tiêu chuẩn người làm công tác kiểm toán nội bộ a. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ; b. Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại Tổng công ty hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra; c. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt	

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ; d. Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật; e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, nếu có.	
29	Không quy định	Điều 60. Vai trò, quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát; trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính cũng như thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. 2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Tổng công ty 3. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty. Trong đó, có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.	Bổ sung theo Điều 170 Luật DN 2020, Điều 287, 288 Nghị định 115

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
30		4. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm: a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty. c. Thành viên Ban kiểm soát có thể được mời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết. d. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề về tài chính của Tổng công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác) e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 11, 12, 14, 17 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên	Bổ sung theo Điều 173 Luật DN

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm d khoản này đều thuộc sở hữu của Tổng công ty. g. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. uân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.	
31	Điều 33. Số lượng thành viên, tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát 1. Số lượng kiểm soát viên của Tổng công ty là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 61. Số lượng thành viên, tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	Bổ sung theo quy định Khoản 2, Điều 168 Luật DN 2020
32	Điều 34. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: 1. Có năng lực và hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý Tổng công ty; Không được giữ các chức vụ quản lý của Tổng công	Điều 62. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát 1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau: a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật doanh nghiệp;	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	ty. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;		
33	2. Có trình độ đại học, có kinh nghiệm làm kế toán viên hoặc kiểm toán viên từ ba (03) năm trở lên, am hiểu về kỹ thuật, nghiệp vụ của Tổng công ty.	b. Có trình độ đại học, được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành khác phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;	
34		c. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty và công ty mẹ của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ của Tổng công ty và tại Tổng công ty; d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;	
35		3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 168 Luật DN

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
36	Điều 35. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên 1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều 63. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
37	Từ Điều 36 đến Điều 38	Từ Điều 64 đến Điều 66	Điều chỉnh số thứ tự Điều tương ứng, nội dung không thay đổi
38		Bổ sung Điều 67 Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Theo quy định Thông tư 116/2020/TT-BTC
39	Từ Điều 43 đến Điều 61	Từ Điều 68 đến Điều 85	Điều chỉnh số thứ tự Điều tương ứng, nội dung không thay đổi
40	Điều 61. Xếp loại đánh giá Căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Tổng giám đốc và Người điều hành khác được phân	Điều 86. Xếp loại đánh giá Căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Tổng giám đốc và Người điều hành khác được phân loại	

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	loại như sau: 1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 2. Hoàn thành nhiệm vụ; 3. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.	như sau: 1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 3. Hoàn thành nhiệm vụ; 4. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế đánh giá tại Tổng công ty
41	Bổ sung	Điều 91. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Tổng công ty 1. Tổng công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Tổng công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 2. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng công ty định kỳ sáu (06) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin Điều 92. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Điều 93. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, thành viên Hội đồng quản trị,	Bổ sung các quy định liên quan đến Công bố thông tin của Công ty đại chúng quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2020)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: 1. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 2. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn. Điều 94. Tổ chức công bố thông tin 1. Tổng công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. 2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty có trách nhiệm sau: a. Công bố các thông tin của Tổng công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.	
42	Điều 67. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 11 Chương 67 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2020..	Điều 96. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 10 Chương 96 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty nhất trí thông qua ngày...tháng 4 năm 2021.	